

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2023

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà **Đào Tuyết Thanh** và Ông **Nguyễn Văn Kinh**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đức Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 72/2023/TB-TLST ngày 22/3/2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị B.H**, sinh năm 1981. HKTT: Số 77 G, phường B, quận K, Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Số 26 ngõ 152, phố A, phường C, quận D, Hà Nội.

***Bị đơn:** Anh **Nguyễn T.T**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 77 G, phường B, quận K, Hà Nội.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Trương Thị B.H trình bày như sau:***

Chị Trương Thị B.H và anh Nguyễn T.T sau khi tìm hiểu đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Liet vào ngày 17/11/2005. UBND phường Trung Liet là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước đây của chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng về M chung sống, đến năm 2016 anh chị về chung sống tại số 77 phố G cùng bố mẹ anh T.

Năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con chung, nên đã thường xuyên cãi vã, xô xát, anh T đã

có hành vi bạo lực đối với chị H có sự chứng kiến của cả gia đình hai bên và hàng xóm.

Năm 2020, anh T đã đến nơi chị H làm việc đánh chị H, Công an phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội đã vào lập biên bản giải quyết. Tháng 6/2020, chị H đã mang 03 con chung về nhà ngoại, sau đó thuê nhà ở riêng cùng các con. Anh T thường xuyên gây khó khăn cho cuộc sống của chị H và các con. Tết năm 2023, anh T đã mang cháu Nguyễn V.K về chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn K.V, sinh ngày .../.../..., Nguyễn K.H, sinh ngày .../.../..., Nguyễn V.K sinh ngày .../.../.... Nguyên vọng của chị khi ly hôn được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu V và cháu H, còn cháu K do anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Chị H và anh T không có tài sản chung, nhà đất ở, không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – anh Nguyễn T.T không đến Tòa, không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, không có lý do.***

***Tại phiên tòa hôm nay:** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Chị H trình bày trong thời gian ly thân chị đã làm đơn xin ly hôn đến TAND quận Hoàn Kiếm nhưng chưa được giải quyết, sau đó đến năm 2023 chị tiếp tục làm đơn ly hôn đến Tòa án. Hiện chị H đang kinh doanh, có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng hai con chung giữa chị và anh T.

Anh T trình bày anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm gửi cho anh nhưng do công việc ở xa không có thời gian nên anh không đến Tòa án được. Anh T xác nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, thời điểm dịch bệnh Covid chị H có làm đơn ly hôn đơn phương đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Nay anh không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Về con chung, anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn K.V, sinh ngày .../.../..., Nguyễn K.H, sinh ngày .../.../..., Nguyễn V.K sinh ngày .../.../..., anh đồng ý với việc chị H trực tiếp nuôi cháu V và cháu H, anh trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu HĐXX giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh T đang đi làm và có thu nhập cùng với sự giúp đỡ của mẹ đẻ nên anh đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 của Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Nguyễn T.T hiện cư trú tại Số 77 G, phường B, quận K, Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/6/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Ngày 26/6/2023, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trương Thị B.H và anh Nguyễn T.T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2005 tại UBND phường Trung Liệt, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 223. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa, không tham gia phiên hòa giải cho thấy anh T không có thiện chí hòa giải giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác minh cho thấy chị H anh T phát sinh mâu thuẫn đã nhiều năm, từ năm 2020 đến nay, vợ chồng ly thân, chị H đi thuê nhà ở cùng hai con chung, anh T vẫn ở tại số 77 phố G, Hoàn Kiếm, Hà Nội cùng con chung của anh chị là cháu K.

Tại phiên tòa, anh T trình bày không còn tình cảm với chị H, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, đề nghị HĐXX giải quyết cho ly hôn.

HĐXX thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận, nay có sự đồng thuận của bị đơn nên cần thiết công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Chị H, anh T có 03 con chung là Nguyễn K.V, sinh ngày .../.../..., Nguyễn K.H, sinh ngày .../.../..., Nguyễn V.K sinh ngày .../.../.... Hiện hai cháu K.V và K.H đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu V.K đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai cháu lớn có nguyện vọng được ở với mẹ vì từ năm 2020 đến nay hai trẻ được mẹ chăm

sóc. Việc giao con chung theo nguyện vọng của chị H đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường của trẻ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về con chung.

Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, 53, 55, 56, 57, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị B.H và anh Nguyễn T.T.

2. Về con chung: Chị Trương Thị B.H, anh Nguyễn T.T có 03 con chung là Nguyễn K.V, sinh ngày .../.../..., Nguyễn K.H, sinh ngày .../.../..., Nguyễn V.K sinh ngày .../.../....

Giao cho chị Trương Thị B.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là trẻ Nguyễn K.V và trẻ Nguyễn K.H kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các trẻ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho anh Nguyễn T.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Nguyễn V.K kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi các trẻ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Trương Thị B.H, Anh Nguyễn T.T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Chị H, anh T trình bày không có tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Án phí: Chị Trương Thị B.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục

thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0052180 ngày 22/3/2023.

5. Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đương sự.

Chị Trương Thị B.H, anh Nguyễn T.T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- UBND p. Trung Liệt;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

